

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 13 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị Hoàn và anh Thơm

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Quang

Bà Phạm Thị Xuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định ( vắng mặt);

**- Bị đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định ( vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào 21/7/2008. Sau kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2009 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị xin được ly hôn anh T.

*Về con chung:* Chị và anh **T** có 01 con chung là cháu **Vũ Thị Kiều A**, sinh ngày 24/7/2009, hiện nay đang do chị nuôi dưỡng. Sau ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị.

*Về tài sản chung và công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Vũ Văn T** trình bày: Về việc kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị **H** trình bày là đúng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2009 cho đến nay. Anh và chị **H** tình cảm vợ chồng không còn, chị **H** xin ly hôn anh cũng đồng ý.

*Về con chung:* Anh và chị **H** có 01 con chung là cháu **Vũ Thị Kiều A**, sinh ngày 24/7/2009, hiện nay đang do chị **H** nuôi dưỡng. Sau ly hôn, anh nhất trí cho chị **H** nuôi dưỡng con chung và anh không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị **H**.

*Về tài sản chung và công nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật TTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**. Xử cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị H** và anh **Vũ Văn T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Vũ Thị Kiều A**, sinh ngày 24/7/2009, cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** là không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Anh **T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: chị **H** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào tháng 21/7/2008 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H và anh T chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2009 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Vũ Thị Kiều A, sinh ngày 24/7/2009, hiện nay đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H, anh T đều thống nhất, chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Kiều A và anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo được lợi ích của con chung, phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Thị Kiều A, sinh ngày 24/7/2009. Anh Vũ Văn T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0005110 ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Bình Minh;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thịnh**